

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**.

2. Bà **Võ Thị Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Dương Ngọc D** - sinh năm 1981,

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đông 4, xã MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1983,

Địa chỉ: Số nhà 186, đường 3/2, khóm MPĐL, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021 và văn bản ý kiến đề ngày 29/6/2021, nguyên đơn chị Dương Ngọc D bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị D và anh Nguyễn Văn T quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống chung rất hạnh phúc nhưng sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 07/2019 đến nay, trong thời gian không sống chung thì vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Dương Ngọc D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm Nguyễn Thị DP - sinh ngày 23/5/2003, Nguyễn TK - sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn MT - sinh ngày 25/8/2017; hiện các con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý giao các con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản ý kiến ngày 18/6/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2004 tại UBND thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống thì chị D thường bỏ nhà đi, lần cuối cùng chị D bỏ đi là cách đây 02 năm. Hiện nay tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Dương Ngọc D.

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D, trong khoản thời gian chung sống thì vợ chồng có 03 con chung gồm Nguyễn Thị DP - sinh ngày 23/5/2003, Nguyễn TK - sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn MT - sinh ngày 25/8/2017; hiện các con chung đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con; riêng con chung Nguyễn Thị DP đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản sao giấy chứng nhận kết hôn và bản sao giấy khai sinh con chung; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp, bị đơn đồng ý và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Ngọc D và bị đơn anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị D và anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03/04 ngày 05/01/2004 của Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Dương Ngọc D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên chị D để đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung từ tháng 7/2019 đến nay nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể đoàn tụ được, do đó, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T cho rằng vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì lớn, từ khi sống chung với nhau đến nay thì chị D đã bỏ nhà đi nhiều lần, lần cuối cùng chị D bỏ nhà đi cũng đã hơn hai năm, trong thời gian không sống chung không ai chủ động hàn gắn tình cảm, vợ chồng đã không còn quan tâm nhau trong khoảng thời gian dài nên tình cảm vợ chồng cũng không còn; do đó, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị D.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh T là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh T và chị D thống nhất có 03 con chung gồm Nguyễn Thị DP - sinh ngày 23/5/2003, Nguyễn TK - sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn MT - sinh ngày 25/8/2017, các con chung hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T và chị D thống nhất giao các con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu. Riêng con chung tên Nguyễn Thị DP đã trên 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa anh T và chị D là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, cũng như để đảm bảo cho các con chung ổn định cuộc sống, có điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận

về nuôi con giữa anh T và chị D. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị D đều thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Dương Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn TK - sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn MT - sinh ngày 25/8/2017, riêng con chung Nguyễn Thị DP - sinh ngày 23/5/2003 đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị D thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Dương Ngọc D phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012698 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị D đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- UBND thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh